TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST

Ngày: 25-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng;

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Lý Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 01/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 08/9/2020, đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 118C, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Trần Văn E và bà Nguyễn Thị L; Vợ Lê Thị Thúy N và có 02 con, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/4/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Đ xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tạm giữ ngày 06/5/2020; Tạm giam từ ngày 15/5/2020 đến nay; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phan Thanh B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 174, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đ; (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 138, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 417, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 155, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)

5. Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 118C, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ; (có mặt)

6. Anh Nguyễn Văn Hoàng T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 06B, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn M là đối tượng sử dụng ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 05/5/2020, Mến đến khu vực công viên thành phố S gặp một người thanh niên tên Vũ (không rõ lai lịch) để mua 02 bịch ma tuý, với giá 2.700.000 đồng mang về cất giấu để sử dụng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Mến lấy bịch ma tuý dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ chứa ít ma tuý hơn phân chia ra thêm 02 bịch nylon nhỏ và hàn kín lại. Sau đó, M sử dụng một ít ma tuý, phần ma tuý còn lại M tiếp tục chứa trong bịch nylon dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ rồi bỏ vào túi quần Jean phía sau bên trái; còn hai bịch nylon chứa ma tuý được hàn kín và 01 bịch ma tuý dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ còn lại, M để vào bên trong cái ví da, rồi cho cái ví da vào trong túi quần Jean phía sau bên phải để cất giấu. Đến khoảng 17 giờ ngày 06/5/2020, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66P2 - 067.74 đi mua vật dụng cho vợ, khi đến đoạn đường đan thuộc ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đ thì bị Công an huyện L phát hiện và bắt quả tang M đang tàng trữ trái phép toàn bộ số ma túy trên người. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ:

- Trong túi quần Jean phía sau bên trái của M 01 (một) bịch nylon dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ, bên trong có chứa những hạt tinh thể rắn nghi là ma túy tổng hợp (Được niêm phong vào gói niêm phong ký hiệu "B");

- Bên trong cái ví da, trong túi quần Jean phía sau bên phải của Mến: 02 (hai) bịch nylon hàn kín và 01 (một) bịch nylon dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ, trong cả 03 bịch đều có chứa những hạt tinh thể rắn nghi là ma tuý tổng hợp (Được niêm phong vào gói niêm phong ký hiệu "A");

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, đã qua sử dụng (Được niêm phong vào gói niêm phong ký hiệu "C");

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen đỏ, biển số 66P2-067.74, số máy 5C63383241, số khung C630AY383193.

Tại bản Kết luận giám định số 378/KL-KTHS ngày 08/05/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ hàn kín và 02 bịch nylon hàn kín, được niêm phong trong cùng bao thư ghi ký hiệu "A" là chất ma túy, có tổng khối lượng 2,489 gam, loại Methamphetamine.

- Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ hàn kín, được niêm phong trong bao thư ghi ký hiệu "B" là chất ma túy, có khối lượng 0,781 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 66P2 - 067.74 không liên quan vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho chị Lê Thị Thúy N (vợ của Mến).

Trong quá trình điều tra, các đối tượng Nguyễn Thanh H, Phạm Thanh B, Nguyễn Phước H khai nhận mỗi người có mua ma tuý của Mến 01 lần để sử dụng vài ngày trước khi M bị Công an bắt. Tuy nhiên, M không thừa nhận có bán ma túy cho các đối tượng trên, mà chỉ thừa nhận mua ma túy về cất giấu để sử dụng nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Trần Văn M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKSLVo ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Trần Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm, quyết định truy tố Trần Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn M mức hình phạt từ 02 năm tù đến 03 năm tù; Phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ghi ký hiệu "A" có tổng khối lượng 2,254 gam; trong bao thư ghi ký hiệu "B" có khối lượng 0,688 gam (theo các gói niêm phong số 399/A và 399/B cùng ngày 07/05/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Trả lại tài sản cho Trần Văn M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, đã qua sử dụng do không liên quan đến vụ án (theo Biên bản niêm phong ngày 08/05/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L), nhưng tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo M đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phần tranh luận, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, do trước khi bị bắt bị cáo làm công nhân cho Công ty Cửu Long ở thành phố S nhưng chưa ký hợp đồng chính thức. Và lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Với hành vi của bị cáo Trần Văn M thực hiện như nội dung vụ án đã trình bày ở trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Vấn đề này, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Quá trình điều tra, các đối tượng Nguyễn Thanh H, Phạm Thanh B và Nguyễn Phước H1 khai nhận mỗi người có mua ma tuý của bị cáo M 01 lần để sử dụng trước khi bị cáo M bị Công an bắt vài ngày. Tuy nhiên, bị cáo M không thừa nhận có bán ma túy cho các đối tượng nêu trên; việc bị cáo mua ma túy về rồi phân chia ra thêm 02 bịch nylon nhỏ, hàn kín lại và bỏ vào cái ví da mang theo trong người là nhằm mục đích cất giấu để sử dụng. Đồng thời,

vào ngày 08/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành kiểm tra nội dung trong điện thoại di động của bị cáo M (nhật ký cuộc gọi, tin nhắn đi và đến, tài khoản mạng xã hội Zalo) đều không có thể hiện nội dung mua bán ma túy giữa bị cáo M với các đối tượng H, B và H1. Do đó, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì: *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam"*. Và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất dấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người,…) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy; thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc định tội.

Theo đó, bị cáo M có hành vi cất giấu ma túy bên trong cái ví da và để vào trong túi quần Jean, phía sau, bên phải và trong lúc bị cáo đi mua vật dụng cho vợ, khi đến đoạn đường đan thuộc ấp K, xã T, huyện L, thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang, kết quả giám định là loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 3,27 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo M đã thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách quan của tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo M đã khai nhận hành vi thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo M phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với kết luận giám định ngày 08/5/2020, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết ma tuý là chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép. Nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ, cất giấu có tổng khối lượng là 3,27 gam loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo M là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến việc độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy ở tất cả các khâu của quá trình quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn

xã hội tại địa phương. Đồng thời, ma túy còn là chất gây nghiện nguy hiểm, không chỉ làm suy kiệt về kinh tế, sức khỏe của người nghiện mà còn có thể làm hạn chế hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của người nghiện. Hơn nữa, ma túy còn là mầm mống lan truyền các căn bệnh xã hội và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

Qua những phân tích nêu trên cho thấy, hành vi của bị cáo Trần Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, bản Cáo trạng số 35/CT-VKSLVo ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo, do bị cáo có 02 con nhỏ (lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2014). Xét thấy, về nhân thân vào ngày 26/4/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Đ xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Lẽ ra, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải và biết sửa chữa sai lầm để làm gương cho các con noi theo, ngược lại bị cáo biết được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm*

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không phải là đối tượng nghiện ma túy, trước khi bị bắt bị cáo có thu nhập tương đối ổn định và khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là tương đối lớn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là 5.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ghi ký hiệu "A" có tổng khối lượng 2,254 gam; trong bao thư ghi ký hiệu "B" có khối lượng 0,688 gam (theo các gói niêm phong số 399/A và 399/B cùng ngày 07/05/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ là chất thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy liên quan đến việc phạm tội. Do đó, cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, đã qua sử dụng được niêm phong theo Biên bản niêm phong ngày 08/05/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, là tài sản của bị cáo và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên, cho thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết tội và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, nên bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 35 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 06/5/2020.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Văn M số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ghi ký hiệu "A" có tổng khối lượng 2,254 gam, được niêm phong, ghi "Niêm phong số 399/A ngày 07/5/2020, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thành P và Trần Văn M;

+ Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ghi ký hiệu "B" có khối lượng 0,688 gam được niêm phong, ghi "Niêm phong số 399/B ngày 07/5/2020, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thành P và Trần Văn M;

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy;

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, đã qua sử dụng, được niêm phong theo Biên bản niêm phong ngày 08/05/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, ký kiệu C.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- CQCSĐT Công an huyện Lấp Vò;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Lấp Vò;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thành Nhân